

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Phương Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường
2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Bùi Thị T, sinh năm 1984; HKTT: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: đường H, khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc V xây dựng hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, tổ chức lễ cưới năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B ngày 04/01/2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm

2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V ra ngoài buôn bán rồi phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác nên từ đó vợ chồng thường xuyên gây gổ bất hòa. Chị đã nhiều lần khuyên anh V chấm dứt quan hệ tình cảm bên ngoài nhưng anh V không nghe, thậm chí còn thường xuyên vô cớ đánh đập chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Từ tháng 7 năm 2018, chị đưa con về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng sống ly thân đến nay, trong thời gian sống ly thân anh V không đến gặp chị cũng không thăm con. Chị nhận thấy đời sống chung của chị và anh V không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị không thể tiếp tục chung sống với anh V được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

Về con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đan C, sinh ngày 19/4/2009 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/7/2017, từ khi vợ chồng sống ly thân 02 con chung sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Quốc V đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh V vẫn vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: chị T và anh V có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị T và anh V là hợp pháp. Trong thời gian chung sống anh V phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác nên về nhà chửi mắng và đánh đập chị T, từ đó giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải được. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với anh V. Từ khi vợ chồng sống ly thân anh V không

liên lạc với chị T và sau khi thụ lý vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh V vẫn vắng mặt, điều đó cho thấy anh V không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị T. Qua đó, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: chị T và anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Đan C, sinh ngày 19/4/2009 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/7/2017. Nhận thấy tại biên bản lấy ý kiến ngày 21/01/2019 cháu C có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn; còn cháu T thì chưa đủ 3 tuổi và từ khi vợ chồng sống ly thân cháu C, cháu T sống cùng chị T. Do đó xét thấy yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung của chị T là phù hợp với nguyện vọng của cháu C và cũng phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Do anh V không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Quốc V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Quốc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 04 tháng 01 năm 2008 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp.

[2.1] Xét thấy, về mâu thuẫn của vợ chồng chị T cho rằng anh V có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên về nhà chửi mắng, đánh đập chị vô cớ. Chị đã nhiều lần khuyên anh V chấm dứt quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân nhưng không được, thậm chí anh V còn đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà. Xét thấy mặc dù đây chỉ là lời trình bày từ phía chị T nhưng bản thân anh V sau khi được Tòa án tổng đạt thông báo

thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử anh V vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án. Qua đó, xét thấy chính bản thân anh V cũng không có thiện chí để hàn gắn hôn nhân với chị T.

[2.2] Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 21/01/2019, đại diện Ủy ban nhân dân xã A, huyện B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị T – anh V là gì thì địa phương không rõ, do đây là chuyện riêng trong gia đình nên địa phương không biết được. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 21/01/2019 bà Nguyễn Thị B (mẹ ruột anh V) cho rằng do công việc mua bán nên anh V có quen biết bạn bè vì vậy thỉnh thoảng anh V cũng có uống rượu nhưng chị T không hài lòng nên vợ chồng có cự cãi qua lại mà hoàn toàn không có sự việc anh V đánh đập và đuổi chị T đi. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 21/01/2019 bà Trần Thị N (mẹ ruột chị T) cho rằng anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên về nhà đánh đập và đuổi chị T đi. Xét thấy mặc dù lời trình bày của người làm chứng không đồng nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị T – anh V nhưng qua đó cũng thấy được cuộc sống hôn nhân của chị T và anh V có nhiều mâu thuẫn với nhau, những mâu thuẫn này kéo dài đã lâu nhưng chị T và anh V không có biện pháp hòa giải để dung hòa được nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

[2.3] Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng hạnh phúc gia đình và giữa vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng chị T và anh V đã không làm được những điều trên. Qua đó, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh V lâm vào mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh V là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Nguyễn Đan C, sinh ngày 19/4/2009 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/7/2017. Hiện nay, cháu C đã trên 7 tuổi, cháu T chưa đủ 3 tuổi và cả 02 cháu đang sống cùng chị T. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 21/01/2019 cháu C có nguyện vọng được sống cùng mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, xét thấy yêu cầu của chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng theo quy định pháp luật là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do anh V không trực tiếp nuôi con chung nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 695.000đ/1cháu (Sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng trên một cháu) đến khi con chung tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 18/4/2019.

[4] Về tài sản chung: không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Bùi Thị T phải nộp. Án phí cấp dưỡng không có giá ngạch: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Nguyễn Quốc V phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Bùi Thị T ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

2. Về con chung: cháu Nguyễn Đan C, sinh ngày 19/4/2009 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/7/2017.

Chị Bùi Thị T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Đan C, sinh ngày 19/4/2009 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 24/7/2017. Anh Nguyễn Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 695.000đ/1cháu (Sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng trên một cháu) đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 18/4/2019.

Anh Nguyễn Quốc V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không tranh chấp.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Bùi Thị T phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0022169 ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T đã nộp xong.

- Án phí cấp dưỡng không có giá ngạch: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Nguyễn Quốc V phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện Ba Tri;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Nhi